

Ngày 31/12/2025	34,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.9%	-2.3%	8.6%

2025	
ROE	11.0%
	+/- YoY ▼ 3.1%

Q4/25	
DT thuần	321
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 12.0 ▼ 3.7%
	YoY ▲ 1.00 ▲ 0.2%

2025	
DT thuần	1,310
tỷ VNĐ	
	YoY ▲ 27.0 ▲ 2.1%

Q4/25	
LN gộp	102
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 26.0 ▼ 20.2%
	YoY ▼ 17.0 ▼ 14.1%

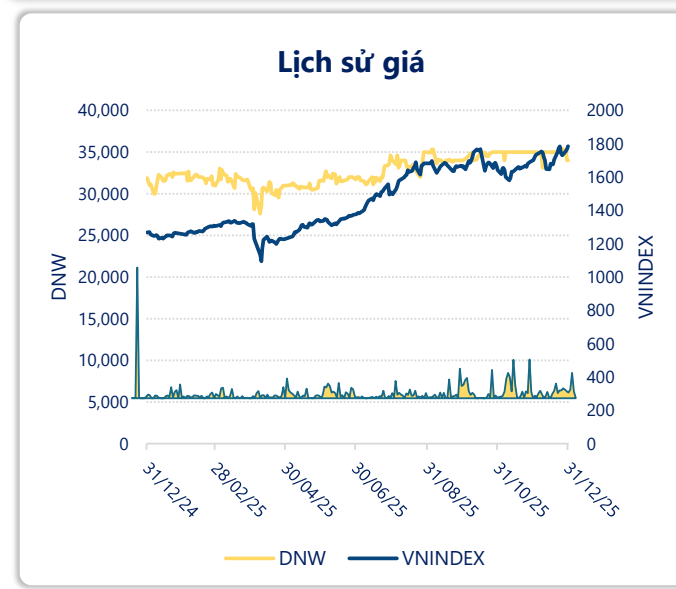
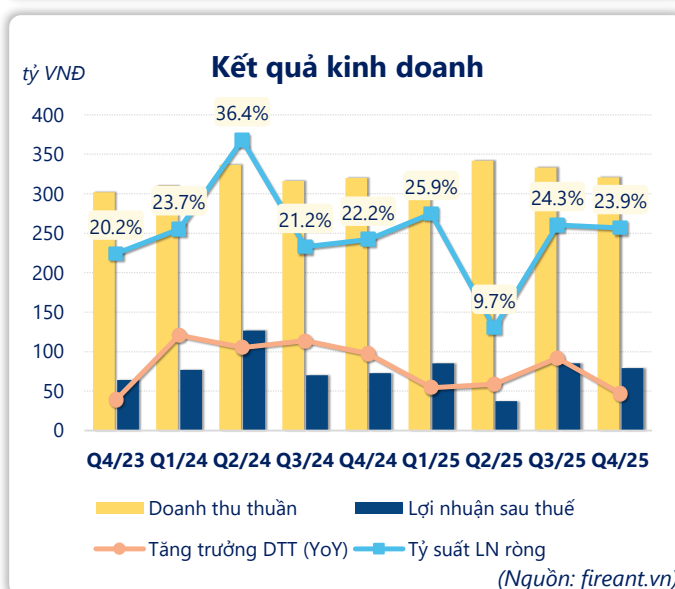
2025	
LN gộp	486
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 6.00 ▼ 1.4%

Q4/25	
LN thuần	88.0
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 2.30 ▼ 2.6%
	YoY ▲ 6.40 ▲ 7.8%

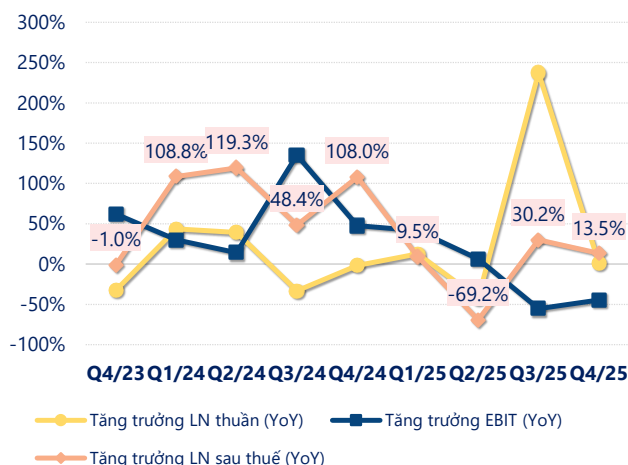
2025	
LN thuần	314
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 70.0 ▼ 18.4%

Q4/25	
LN sau thuế	78.9
tỷ VNĐ	
	QoQ ▼ 6.40 ▼ 7.5%
	YoY ▲ 6.30 ▲ 8.7%

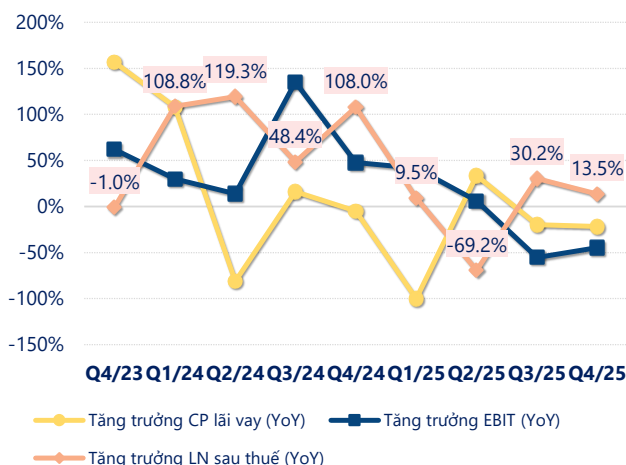
2025	
LN sau thuế	287
tỷ VNĐ	
	YoY ▼ 59.0 ▼ 17.1%



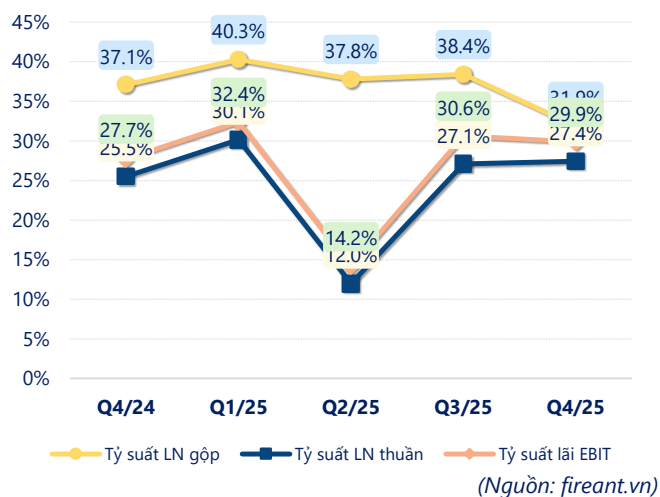
Tăng trưởng lợi nhuận



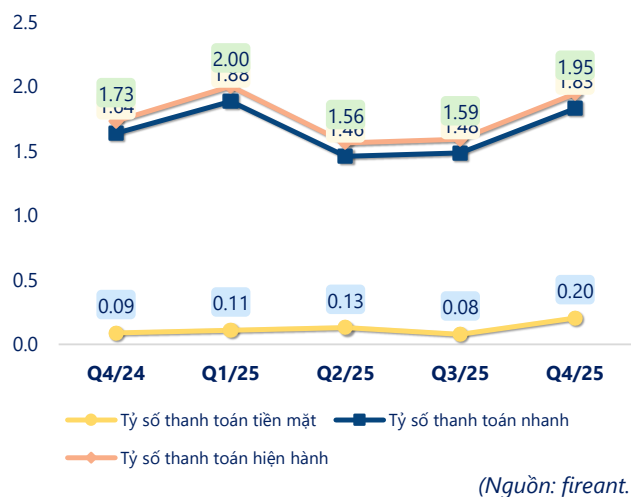
Tăng trưởng chi phí



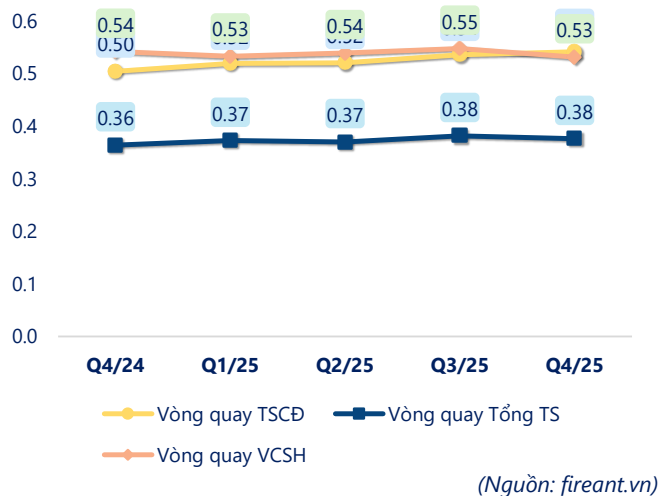
Tỷ suất lợi nhuận



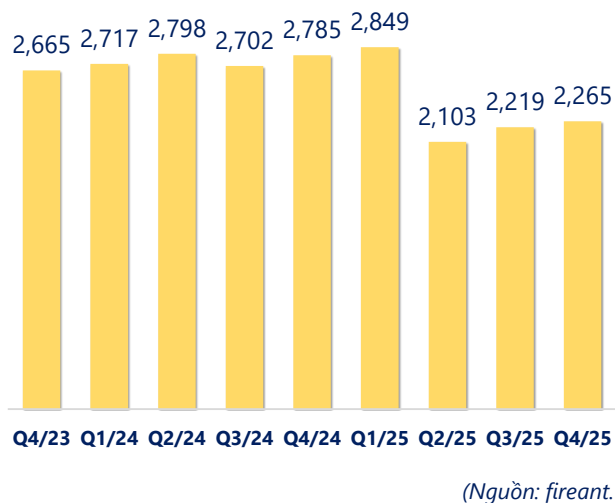
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	321	320	0.2%	1,310	1,283	2.1%
Giá vốn hàng bán	219	201	8.7%	824	791	4.2%
Lợi nhuận gộp	102	119	-14.1%	486	492	-1.4%
Doanh thu HĐTC	7.93	14.5	-45.3%	30.7	76.5	-59.9%
Chi phí TC	-17.7	8.34	-312%	51.8	35.9	44.1%
Chi phí lãi vay	7.33	7.77	-5.7%	27.2	29.5	-7.7%
LN trong công ty LKLD	0.71	0.90	-21.2%	2.67	2.93	-9.1%
Chi phí bán hàng	18.6	20.5	-9.5%	75.7	70.8	6.8%
Chi phí QLDN	22.0	23.5	-6.4%	78.0	80.8	-3.6%
LN thuần từ HĐKD	88.0	81.6	7.8%	314	384	-18.4%
Lợi nhuận khác	0.47	-0.64	173%	6.92	1.79	288%
LN trước thuế	88.4	81.0	9.2%	321	386	-16.9%
Lợi nhuận sau thuế	78.9	72.6	8.7%	287	346	-17.1%
LNST của CĐ cty mẹ	76.6	71.1	7.7%	272	334	-18.6%

(Nguồn: fireant.vn)

